

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH KẾ TOÁN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**

**Mã số: 8340301**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 365/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 5 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

**Tên chương trình đào tạo tiếng Việt : Thạc sĩ Kế toán**

**Tên chương trình đào tạo tiếng Anh : Master of Accounting**

**Trình độ đào tạo : Thạc sĩ**

**Định hướng : Ứng dụng**

**Ngành đào tạo : Kế toán**

**Mã ngành : 8340301**

**Chuyên ngành đào tạo : Kế toán**

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo người học có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững kiến thức lý luận nền tảng, có kiến thức sâu rộng, tiên tiến về lĩnh vực của kế toán, kiểm toán; từ đó biết tổng hợp phân tích đánh giá dữ liệu thông tin kế toán để đưa ra các giải pháp xử lý về các vấn đề liên quan đến Kế toán một cách khoa học, đúng đắn; có khả năng thực hành nghề nghiệp một cách thành thạo, đồng thời người học cũng có khả năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp về lĩnh vực kế toán và kiểm toán.

**1.2. Mục tiêu cụ thể (PG)**

**1.2.1. Mục tiêu kiến thức**

PG1: Đào tạo các nhà Kế toán nắm vững hệ thống tri thức ngành, nhất là tri thức chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực Kế toán. Đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng tổ chức công tác kế toán, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác; Nắm vững tri thức cơ bản và có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**1.2.2. Mục tiêu kỹ năng**

**PG2:** Đào tạo thạc sĩ Kế toán có trình độ, kiến thức chuyên sâu về Kế toán theo các kỹ năng cụ thể sau:

- Có kỹ năng và phương pháp giảng dạy Kế toán, tài chính và các học phần khác về kinh tế ở các trường đại học và cơ sở đào tạo về kinh tế

- Có năng lực tổ chức kế toán, lập kế hoạch tài chính tham mưu cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế;

- Có năng lực nắm bắt, phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống kinh tế, tài chính nảy sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, tài chính;

- Khả năng cập nhật những tiên bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn; nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành học để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và thực hành tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở địa phương, khu vực trong và ngoài nước.

### *1.2.3. Thái độ, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm*

**PG3:** Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và qui định của tổ chức; Có sức khỏe tốt để làm việc.

## **2. Chuẩn đầu ra**

Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ Thạc sĩ gồm 15 chuẩn đầu ra (PLO), được xây dựng theo qui định khung năng lực của Bộ giáo dục và Đào tạo và áp dụng thang bậc năng lực Bloom. Học viên tốt nghiệp ngành Kế toán trình độ Thạc sĩ phải đạt được các yêu cầu năng lực sau đây:

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

#### *2.1.1. Kiến thức*

- PLO1: Hiểu biết sâu rộng nền tảng khoa học, phương pháp xử lý hiệu quả về ứng dụng tri thức trong thực tiễn kinh tế.

- PLO2: Hiểu biết sâu rộng những luận điểm biện chứng và quan điểm, nhận thức về xã hội, chính trị, luật pháp, kinh tế ở những môi trường xã hội, thể chế kinh tế khác nhau.

- PLO3: Hiểu biết vững chắc nền tảng, quy chuẩn pháp luật về tổ chức, tài chính, quản lý, kiểm soát các loại hình hoạt động kinh doanh đương đại ở những hình thức tổ chức hoạt động khác nhau.

- PLO4: Thông thạo về các hình thức, nội dung, nghiệp vụ tổ chức, tài chính, quản lý, kiểm soát các loại hình hoạt động kinh doanh trên nền tảng công nghệ số trong môi trường kinh tế toàn cầu hóa, quốc tế hóa.

- PLO5: Nhận diện và hiểu biết sâu sắc về tính đương đại, hiện đại của tri thức kế

toán, kiểm toán trên nền tảng kỹ thuật công nghệ số trong môi trường kinh tế toàn cầu hóa, quốc tế hóa.

- PLO6: Thành thạo những phương pháp kỹ thuật công nghệ phát hiện, xử lý một cách hiệu quả về kế toán, kiểm toán trong thực tiễn.

- PLO7: Thành thạo những kỹ thuật công nghệ đương đại có tính đặc thù về khai thác, xử lý, truyền tải thông tin kế toán, kiểm toán.

#### 2.1.2. Chuẩn đầu ra Kỹ năng

- PLO8: Sáng tạo và hiệu quả trong tiếp cận, nhận định, xử lý, phát triển hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PLO9: Có năng lực, sự hiệu quả trong thực tiễn lãnh đạo, tổ chức, vận hành kế toán, kiểm toán.

- PLO10: Sử dụng thành thạo các phương pháp kỹ thuật, công nghệ thông tin đương đại trong kế toán, kiểm toán và sự kết nối kế toán, kiểm toán với những lĩnh vực khác.

- PLO11: Sử dụng thành thạo ngôn ngữ quốc tế bậc 4/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để giao tiếp bằng lời nói, bằng văn bản trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PLO12: Truyền đạt thông minh, hiệu quả những ý tưởng, quy trình, kết quả và những hình thức vận hành kế toán, kiểm toán đến từng đối tượng bằng những ngôn ngữ khác nhau.

#### 2.1.3. Chuẩn đầu ra mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO13: Đề cao tính tuân thủ các quy chuẩn pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và hoạt động kinh tế.

- PLO14: Đề cao tính tự giác, giá trị đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và hoạt động kinh tế.

- PLO15: Sáng tạo, đổi mới trong giải quyết, đúc kết, thực thi, truyền đạt chuyên môn, hành nghề kế toán, kiểm toán và hoạt động kinh tế, tài chính.

#### **Trình độ năng lực đánh giá theo thang năng lực Bloom, cụ thể:**

**1- Chuẩn Kiến thức (1-6):** 1- Ghi nhớ; 2- Hiểu; 3- Áp dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; 6- Sáng tạo

**2 - Chuẩn Kỹ năng (1-5):** 1- Bắt chước; 2- Làm được; 3- Chính xác; 4- Phối hợp; 5- Thuần thục.

**3 - Chuẩn Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm (1-5):** 1- Tiếp nhận; 2- Đáp ứng; 3- Đánh giá thảo luận; 4- Tổ chức thực hiện; 5- Đặc trưng hóa.

#### **3. Thời gian đào tạo:** Từ 20 đến 24 tháng

#### **4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ**

4.1. Số học phân phải tích lũy: 21 học phần

4.2. Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và ngành: 39 tín chỉ, trong đó:

+ *Bắt buộc*: 21 TC (*kiến thức cơ sở*: 2 HP (4 TC); *kiến thức ngành*: 6 HP (17 TC)

+ *Tự chọn*: 18 TC (*kiến thức cơ sở*: 2 HP (4 TC); *kiến thức ngành*: 7 HP (14 TC)

- Thực tập: 6 TC

- Đề án tốt nghiệp: 9 TC (Tên đề án do học viên đề xuất phù hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần ngành bắt buộc).

#### **5. Đối tượng tuyển sinh**

Theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Hải Dương và Thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường.

#### **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của Trường Đại học Hải Dương về đào tạo trình độ thạc sĩ quy định.

- Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo.

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

- Có đủ điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.

- Bảo vệ đề án đạt yêu cầu.

#### **7. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành Kế toán, người học có thể thực hiện các công việc:

- Giảng viên các trường đại học và cao đẳng;

- Cán bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu về kinh tế, quản lý, tài chính;

- Các công ty cần nhân lực kế toán, kiểm toán ở các loại hình và quy mô khác nhau.

- Cán bộ chương trình ở các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, các dự án nâng cao năng lực;

- Tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành Kế toán, kiểm toán.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hải Dương

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc kiến thức

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>06</b>
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>08</b>
	2.1. Học phần bắt buộc	4
	2.2. Học phần tự chọn	4
<b>III</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>46</b>
	3.1. Học phần bắt buộc	17
	3.2. Học phần tự chọn	14
	3.3. Thực tập	6
	3.4. Đề án tốt nghiệp	9
<b>Tổng số học phần/tín chỉ</b>		<b>21/60</b>

### 9.2. Khung chương trình

TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
	Mã hiệu	Số hiệu		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	
<b>I</b>			<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
1	KTTH	501	Triết học	4	2	2	
2	KTPP	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
<b>II</b>			<b>Khối kiến thức cơ sở</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
<b>2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1	KTVM	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	2	1	1	
2	KTKL	504	Kinh tế lượng	2	1	1	
<b>2.2</b>	<b>Học phần tự chọn: (chọn 2/6 học phần)</b>			<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1	KTLK	505	Luật kinh tế	2	1	1	
2	KTTK	506	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	1	1	
3	KTTCT	507	Tài chính - Tiền tệ	2	1	1	
4	KTQH	508	Quản trị học nâng cao	2	1	1	

5	KTTA	509	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1	1	
6	KTNL	510	Nguyên lý kế toán	2	2	1	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>			<b>46</b>	17	29	
<b>3.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>17</b>	<b>10</b>	<b>7</b>	
1	KTTC	511	Kế toán tài chính nâng cao	3	2	1	
2	KTQT	512	Kế toán quản trị nâng cao	3	2	1	
3	KTKT	513	Kiểm toán nâng cao	3	2	1	
4	KTPD	514	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	KTHT	515	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
6	CĐTT	516	Chuyên đề thực tế	2		2	
<b>3.2</b>	<b>Học phần tự chọn: (chọn 7/12 học phần)</b>			<b>14</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	
1	KTKS	517	Kiểm soát nội bộ	2	1	1	
2	KTQT	518	Kế toán quốc tế	2	1	1	
3	KTKC	519	Kế toán công	2	1	1	
4	KTQL	520	Quản trị chiến lược	2	1	1	
5	KTĐT	521	Kế toán điều tra	2	1	1	
6	KTQTC	522	Quản trị tài chính	2	1	1	
7	KTKD	523	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1	
8	KTTH	524	Thuế	2	1	1	
9	KTCC	525	Tài chính công	2	1	1	
10	KTTG	526	Kế toán các tổ chức trung gian tài chính	2	1	1	
11	KTLCM	527	Luật Kế toán và chuẩn mực kế toán	2	1	1	
12	KTCN	528	Kế toán các ngành sản xuất kinh doanh	2	1	1	
<b>3.3</b>	<b>TT</b>	<b>529</b>	<b>Thực tập</b>	<b>6</b>		6	
<b>3.4</b>	<b>ĐATN</b>	<b>530</b>	<b>Đề án tốt nghiệp</b>	<b>9</b>		9	